

Bản án số: 110/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28 – 4 – 2023
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Văn Ngọc.

- Ông Trần Văn Hải.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thuỳ Dung - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Nam – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 93/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Thái Văn T. Sinh năm 1964. Địa chỉ: Xóm HSK, xã HS, huyện ĐL, tỉnh NA. Có mặt tại phiên tòa.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H. Sinh năm 1971. HKTT: Xóm HSK, xã HS, huyện ĐL, tỉnh NA. Địa chỉ: Xóm 5, xã TS, huyện ĐL, tỉnh NA. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải, nguyên đơn là ông Thái Văn T trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Thái Văn T và bà Nguyễn Thị H kết hôn ngày 10/3/1994 tại Ủy ban nhân dân xã HS, huyện ĐL, tỉnh NA. Việc kết hôn giữa 02 người là trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc. Từ khi kết hôn đến năm 2022 vợ chồng sống hạnh phúc. Từ năm 2022 đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, bà H theo đạo Đức chúa trời, không thờ cúng tổ tiên, bỏ bê công việc nhà chồng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/2022 đến nay. Ông Thái Văn T thấy vợ chồng không có tiếng nói chung nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông Thái Văn T được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông Thái Văn T và bà Nguyễn Thị H có 03 con chung là Thái Tất Đ – sinh ngày 22/3/199x, Thái Thị Cẩm Ch

– sinh ngày 14/9/200x, Thái Thị Mỹ H – sinh ngày 05/3/200x. Chị Thái Thị Cẩm Ch đã trên 18 tuổi nên việc muốn sống với bố hay mẹ là tùy ý con. Còn anh Thái Tất Đ đã trên 18 tuổi nhưng do bị bệnh tật từ nhỏ đến nay và cháu Thái Thị Mỹ H dưới 18 tuổi nên ông Thái Văn T đề nghị Tòa án giao con chung là Thái Tất Đ, Thái Thị Mỹ H cho ông Thái Văn T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Thái Văn T yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.500.000 đồng/01 tháng/01 con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Thái Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà, bị đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày như sau: Bà Nguyễn Thị H đồng ý với ý kiến trình bày của ông Thái Văn T về thời gian đăng ký kết hôn, con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do từ tháng 9/2022 đến nay ông T phản đối việc bà Nguyễn Thị H theo đạo Tin Lành; ông T có hành vi bạo hành, đánh đập bà H và các con, do đó từ tháng 11/2022 đến nay vợ chồng sống ly thân. Bà Nguyễn Thị H thấy tình cảm vợ chồng đang còn nên không đồng ý ly hôn, nhưng nếu ông Thái Văn T kiên quyết yêu cầu ly hôn thì bà Nguyễn Thị H cũng đồng ý ly hôn với ông Thái Văn T.

- Về con chung: Con chung là Thái Thị Cẩm Ch đã trên 18 tuổi nên việc muốn sống với bố hay mẹ là tùy ý con. Còn anh Thái Tất Đ đã trên 18 tuổi nhưng do bị bệnh tật từ nhỏ đến nay và cháu Thái Thị Mỹ H dưới 18 tuổi nên bà Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án giao con chung là Thái Tất Đ, Thái Thị Mỹ H cho bà Nguyễn Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Thái Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000 đồng/01 tháng/01 con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, nguyên đơn và bị đơn đều giữ nguyên ý kiến trình bày.

Tại phần tranh luận: Ông Thái Văn T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho ông Thái Văn T được ly hôn bà Nguyễn Thị H và giao 02 con chung là anh Thái Tất Đ, cháu Thái Thị Mỹ H cho ông Thái Văn T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nhưng nếu các con chung là anh Thái Tất Đ, cháu Thái Thị Mỹ H có nguyện vọng được sống với bà Nguyễn Thị H thì ông Thái Văn T tôn trọng nguyện vọng của các con và đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là anh Thái Tất Đ, cháu Thái Thị Mỹ H cho bà Nguyễn Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng; ngoài ra ông Thái Văn T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Nguyễn Thị H với số tiền 1.500.000 đồng/01 tháng/01 con chung.

Bà Nguyễn Thị H đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của ông Thái Văn T; đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung là Thái Tất Đ, Thái Thị Mỹ H cho bà Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì theo nguyện vọng của 02 con đều mong muốn được sống cùng bà Nguyễn Thị H. Bà Nguyễn Thị H đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Thái Văn T cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 1.500.000 đồng/01 tháng/01 con chung.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An sau khi nhận xét, đánh giá việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, các đương sự và phân tích nội dung vụ án;

đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 56, 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; các Điều 71, 72, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Thái Văn T được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Giao con chung đã thành niên bị khuyết tật đặc biệt nặng là Thái Tất Đ – sinh ngày 22/3/199x cho bà Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung chưa thành niên là cháu Thái Thị Mỹ H – sinh ngày 05/3/200x cho bà Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Buộc ông Thái Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Nguyễn Thị H với số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng)/01 tháng/01 con chung, đối với cháu Thái Thị Mỹ H đến khi đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Buộc ông Thái Văn T, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và buộc ông Thái Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con chung giữa ông Thái Văn T, bà Nguyễn Thị H, Tòa án phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là bà Nguyễn Thị H hiện đang tạm trú tại xóm 5, xã TS, huyện ĐL, tỉnh NA. Ông Thái Văn T có đơn khởi kiện với yêu cầu giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung, do đó đây là vụ án ly hôn và tranh chấp nuôi con. Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tại Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 10/3/1994 của Ủy ban nhân dân xã HS, huyện ĐL, tỉnh NA có ghi: “*Họ tên chồng Thái Văn T. Sinh ngày 1967...*”. Nhưng căn cứ vào Đơn xin xác nhận ghi ngày 29/11/2022 của ông Thái Văn T có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã HS, huyện ĐL, tỉnh NA có nội dung: “*Ông Thái Văn T, sinh ngày 13/3/1964 trong hộ khẩu. Thái Văn T, sinh ngày 13/3/1964 trong căn cước công dân và Thái Văn T, sinh năm 1967 trong giấy chứng nhận kết hôn là một người*”. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng ông Thái Văn T, bà Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc; có đăng ký kết hôn ngày 10/3/1994 tại Ủy ban nhân dân xã HS, huyện ĐL, tỉnh NA, vì vậy hôn nhân giữa ông Thái Văn T và bà Nguyễn Thị H là hợp pháp.

Từ tháng 11/2022 đến nay, ông Thái Văn T và bà Nguyễn Thị H sống ly thân. Hội đồng xét xử thấy rằng ông Thái Văn T, bà Nguyễn Thị H sống ly thân đã lâu nhưng không người nào có biện pháp để gìn giữ hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được và ông T, bà H đều thống nhất thuận tình ly hôn, do đó căn cứ vào quy định tại Điều 55, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thái Văn T, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Thái Văn T, bà Nguyễn Thị H.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông Thái Văn T và bà Nguyễn Thị H có 03 con chung là Thái Tất Đ – sinh ngày 22/3/199x, Thái Thị Cẩm Ch – sinh ngày 14/9/200x, Thái Thị Mỹ H – sinh ngày 05/3/200x. Hội đồng xét xử thấy rằng chị Thái Thị Cẩm Ch đã trên 18 tuổi và không có bệnh làm hạn chế khả năng nhận thức, điều khiển hành vi nên ông T, bà H không phải có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng đối với chị Thái Thị Cẩm Ch. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T và bà H đều có nguyện vọng được nuôi 02 con chung là anh Thái Tất Đ, cháu Thái Thị Mỹ H. Hội đồng xét xử thấy nguyện vọng được nuôi con của ông T, bà H là chính đáng.

Đối với con chung là anh Thái Tất Đ – sinh ngày 22/3/1996 mặc dù đã trên 18 tuổi nhưng bị khuyết tật. Căn cứ biên bản xác minh ngày 25/4/2023 tại Ủy ban nhân dân xã HS, huyện ĐL, tỉnh NA có nội dung: *“Anh Thái Tất Đ – sinh ngày 22/3/1996 (Địa chỉ xóm HSK, xã HS, huyện ĐL, tỉnh NA) đang được hưởng chế độ chính sách bảo trợ xã hội đối với trường hợp khuyết tật đặc biệt nặng, cần người chăm sóc theo Quyết định số 2537 ngày 28/11/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Hiện nay anh Thái Tất Đ được hưởng chế độ bảo trợ xã hội với mức trợ cấp là 720.000 đồng/01 tháng và tiền hỗ trợ cho gia đình (người chăm sóc) đối với người bị khuyết tật đặc biệt nặng là 360.000 đồng/01 tháng”*. Căn cứ Điều 68, Điều 69, khoản 1 Điều 71 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng anh Thái Tất Đ mặc dù đã trên 18 tuổi nhưng bị khuyết tật đặc biệt nặng, không có khả năng lao động, không có tài sản để tự nuôi mình; và cháu Thái Thị Mỹ H – sinh ngày 05/3/2008 chưa đủ 18 tuổi nên ông Thái Văn T, bà Nguyễn Thị H đều phải có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng anh Thái Tất Đ và cháu Thái Thị Mỹ H.

Tại phiên tòa, ông Thái Văn T đồng ý tôn trọng nguyện vọng của các con là anh Thái Tất Đ, cháu Thái Thị Mỹ H về việc sống với bố hay mẹ khi bố mẹ ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Thái Tất Đ, cháu Thái Thị Mỹ H đều trình bày nếu bố mẹ ly hôn thì anh Thái Tất Đ, cháu Thái Thị Mỹ H có nguyện vọng được chung sống với mẹ là bà Nguyễn Thị H. Hội đồng xét xử thấy rằng trên cơ sở nguyện vọng của con chung là anh Thái Tất Đ, cháu Thái Thị Mỹ H; xét thấy bà Nguyễn Thị H là người thường xuyên, trực tiếp chăm sóc anh Thái Tất Đ, cháu Thái Thị Mỹ H từ khi còn nhỏ cho đến nay và để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về lâu dài của các con chung nên cần giao con chung là anh Thái Tất Đ, cháu Thái Thị Mỹ H cho bà Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H đề nghị ông Thái Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng)/01 tháng/01 con chung. Ông

Thái Văn T đồng ý đối với yêu cầu về số tiền cấp dưỡng nuôi con chung của bà Nguyễn Thị H. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà Nguyễn Thị H là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu này của bà Nguyễn Thị H và buộc ông Thái Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Nguyễn Thị H đối với con chung đã thành niên bị khuyết tật đặc biệt nặng là anh Thái Tất Đ và con chung chưa thành niên là Thái Thị Mỹ H với số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng)/01 (Một) tháng/01 (Một) con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Thái Văn T, bà Nguyễn Thị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Thái Văn T, bà Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn nên ông Thái Văn T, bà Nguyễn Thị H đều phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; ông Thái Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Thái Văn T và bà Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung đã thành niên bị khuyết tật đặc biệt nặng là anh Thái Tất Đ – sinh ngày 22/3/199x cho bà Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao con chung chưa thành niên là Thái Thị Mỹ H – sinh ngày 05/3/200x cho bà Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Buộc ông Thái Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đã thành niên bị khuyết tật đặc biệt nặng là anh Thái Tất Đ và con chung chưa thành niên là Thái Thị Mỹ H cùng bà Nguyễn Thị H với số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng)/01 (Một) tháng/01 (Một) con chung, kể từ tháng 4 năm 2023.

Bà Nguyễn Thị H được quyền nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung đã thành niên bị khuyết tật đặc biệt nặng là Thái Tất Đ và con chung chưa thành niên là Thái Thị Mỹ H từ ông Thái Văn T với số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng)/01 (Một) tháng/01 (Một) con chung, kể từ tháng 4 năm 2023.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét

4. Về án phí: Buộc ông Thái Văn T phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002910 ngày 21/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

5. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Thái Văn T, bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND HS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Hà